

TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C ...
	Ngày: ... 11/1 ...

QUYẾT ĐỊNH

Quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định điều kiện, trình tự công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

Điều 2. Điều kiện công bố dịch bệnh truyền nhiễm

1. Đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A: có ít nhất một người bệnh được chẩn đoán xác định.

2. Đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C:

a) Một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) được coi là có dịch khi có số người mắc bệnh vượt quá số mắc trung bình của tháng cùng kỳ 03 năm gần nhất;

b) Một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện) được coi là có dịch khi có từ 2 xã có dịch trở lên;

c) Một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) được coi là có dịch khi có từ 2 huyện có dịch trở lên.

Điều 3. Trình tự công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A

1. Ngay sau khi nhận được thông tin về người nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, cơ quan được Bộ Y tế chỉ định thực hiện việc điều tra xác minh (sau đây gọi tắt là cơ quan xác minh dịch).

2. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi xác định có người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, cơ quan xác minh dịch có trách nhiệm thông báo cho Sở Y tế nơi có dịch xảy ra đồng thời báo cáo Bộ Y tế.

3. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được thông báo của cơ quan xác minh dịch, Sở Y tế nơi có dịch xảy ra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Y tế nơi có dịch xảy ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế công bố dịch.

5. Bộ trưởng Bộ Y tế:

a) Công bố dịch trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thông báo trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của cơ quan xác minh dịch đối với trường hợp người nhập cảnh Việt Nam được xác định mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A;

c) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố dịch đối với trường hợp dịch lây lan nhanh từ tỉnh này sang tỉnh khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người.

Điều 4. Trình tự công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, nhóm C

1. Ngay sau khi nhận được thông tin người bệnh được chẩn đoán mắc bệnh truyền nhiễm, Sở Y tế tại nơi người mắc bệnh truyền nhiễm cư trú trong thời gian ủ bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm tổ chức điều tra xác minh dịch.

2. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xác định có dịch, Sở Y tế nơi có dịch xảy ra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi xảy ra dịch có trách nhiệm xem xét, quyết định việc công bố dịch nhóm B và nhóm C theo thẩm quyền.

4. Trường hợp có từ hai tỉnh trở lên đã công bố cùng một dịch bệnh truyền nhiễm thuộc danh mục các bệnh truyền nhiễm nhóm B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này trong khoảng thời gian ủ bệnh trung bình của bệnh đó, Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm công bố dịch theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

Điều 5. Điều kiện, trình tự công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm

1. Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm phải đáp ứng điều kiện: Không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới sau khoảng thời gian nhất định cho từng bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Sau khoảng thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và đã thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:

a) Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C;

b) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định công bố hết dịch đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định:

a) Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi xảy ra dịch;

b) Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B khi các tỉnh đã công bố hết dịch;

c) Xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối với trường hợp dịch mà Thủ tướng Chính phủ đã công bố hết dịch.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo, tổ chức triển khai và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo Sở Y tế thực hiện việc thống kê, quản lý và báo cáo số liệu bệnh truyền nhiễm hàng tháng, hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Y tế

1. Chỉ đạo, tổ chức triển khai và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quyết định này trên phạm vi cả nước.

2. Đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới phát sinh chưa rõ tác nhân gây bệnh thuộc nhóm A và các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, nhóm C không quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, căn cứ đặc điểm dịch tễ học hoặc khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, Bộ trưởng Bộ Y tế xác định khoảng thời gian nhất định không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung danh mục quy định thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới làm căn cứ để công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016.

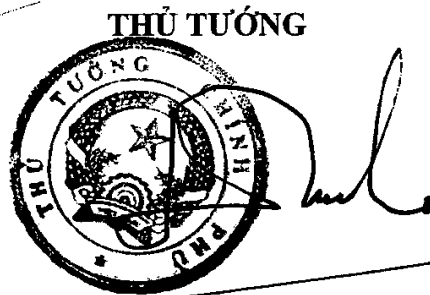
2. Quyết định số 64/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

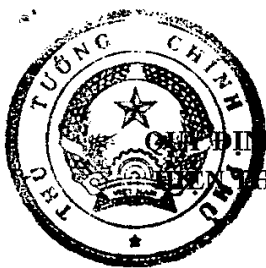
Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b). *225*



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

QUY ĐỊNH THỜI GIAN Ủ BỆNH TRUNG BÌNH VÀ THỜI GIAN KHÔNG PHÁT HIỆN THÊM TRƯỜNG HỢP MẮC BỆNH TRUYỀN NHIỄM LÀM CĂN CỨ ĐỂ CÔNG BỐ HẾT DỊCH BỆNH TRUYỀN NHIỄM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên bệnh truyền nhiễm	Nhóm	Thời gian ủ bệnh trung bình (ngày)	Thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới (ngày)
1	Bệnh bại liệt	A	18	35
2	Bệnh cúm A-H5N1	A	11	21
3	Bệnh cúm A-H7N9	A	11	21
4	Bệnh dịch hạch	A	7	14
5	Bệnh đậu mùa	A	14	28
6	Bệnh sốt xuất huyết do vi rút Ê-bô-la (Ebola), Lát-sa (Lassa) hoặc Mác-bóc (Marburg)	A	11	21
7	Bệnh sốt Tây sông Nin (Nile)	A	9	17
8	Bệnh sốt vàng	A	7	14
9	Bệnh tả	A	4	7
10	Hội chứng viêm đường hô hấp vùng Trung Đông do vi rút corona (MERS-CoV)	A	14	28
11	Bệnh bạch hầu	B	7	14
12	Bệnh ho gà	B	14	28
13	Bệnh lỵ trực trùng	B	4	7
14	Bệnh sốt Đãng gơ (Dengue), sốt xuất huyết Đãng gơ (Dengue)	B	7	14
15	Bệnh sốt rét	B	18	35

STT	Tên bệnh truyền nhiễm	Nhóm	Thời gian ủ bệnh trung bình (ngày)	Thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới (ngày)
16	Bệnh sởi	B	11	21
17	Bệnh tay-chân-miệng	B	7	14
18	Bệnh than	B	30	60
19	Bệnh thương hàn	B	30	60
20	Bệnh ru-bê-ôn (Rubeon)	B	14	28
21	Bệnh viêm gan vi rút (Viêm gan A)	B	30	60
22	Bệnh viêm màng não do não mô cầu	B	7	14
23	Bệnh viêm não vi rút	B	11	21
24	Bệnh xoắn khuẩn vàng da	B	11	21
25	Bệnh tiêu chảy do vi rút Rô-ta (Rota)	B	4	7
26	Bệnh sốt xuất huyết do vi rút Han-ta (Hanta)	C	11	21